

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO BẰNG  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hòa
2. Bà Vũ Kim Hoa

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:*** Nguyễn Thúy N - sinh năm 1962

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 16H, tổ H cũ (nay là tổ M) phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

"Có mặt tại phiên tòa".

**- *Bị đơn:*** Trịnh Hoàng L- sinh năm 1957;

Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 16H, tổ H cũ (nay là tổ M) phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng.

"Vắng mặt, có lý do".

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 19 tháng 6 năm 2020; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20 tháng 7 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thúy N trình bày: Bà và ông Trịnh Hoàng L xây dựng gia đình và chung sống với nhau từ năm 1982, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm,

không tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Thời điểm kết hôn bà N và ông L đều ở nhà.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 1997 do ông L nghiện ma túy và đã đi tù nhiều lần nên từ đó hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Quá trình mâu thuẫn bà và ông L thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nhưng bà vẫn chịu đựng để nuôi dạy các con trưởng thành. Thế nhưng, khoảng 10 năm trở lại đây, ngoài việc sử dụng ma túy ông L còn mải chơi, cờ bạc, rượu chè. Ông L cứ rượu say lại chửi bới, đánh đập, đe dọa giết bà. Ông L có hành vi cầm dao đuổi đánh bà N, mặc dù có xảy ra xô xát nhưng chưa có thương tích gì. Mâu thuẫn giữa bà N và ông L chưa được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng bà và các con, có tổ trưởng tổ dân phố khuyên bảo, góp ý nhưng ông L không thay đổi. Bà và ông L chưa sống ly thân nhau nhưng với tính cách và việc làm của ông L đã làm cho tinh thần bà luôn bất an, lo sợ không dám kêu ai dẫn đến sinh bệnh tật, ốm đau và thời gian gần đây vào đầu tháng 7 năm 2020 ông L lại bị xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành hình phạt tù. Nay bà không thể chịu đựng được nữa, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức độ trầm trọng, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Hùng C (Sinh ngày 04/10/1984; Giới tính: Nam) và Trịnh Hùng A (Sinh ngày 30/12/1991; Giới tính: Nam). Hiện nay 02 con chung đã đủ tuổi thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13/7/2020 và tại Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án ngày 13/7/2020 của ông Trịnh Hoàng L trình bày:

Về điều kiện và thời gian kết hôn: Ông L và bà N chung sống với nhau từ năm 1982 đến nay và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Thời điểm kết hôn bà N và ông L đều ở nhà buôn bán và cùng sinh sống tại tổ H cũ (nay là tổ M) phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống: Kể từ sau khi kết hôn ông L và bà N chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì do ông L mải chơi cờ bạc, rượu chè, sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Quá trình mâu thuẫn ông L dọa đánh bà N nhiều lần nhưng không xảy ra xô xát, đánh đập, gây thương tích gì cho bà N. Mâu thuẫn vợ chồng chưa được tổ dân phố hòa giải, khuyên bảo lần nào. Do mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên, kéo dài và hiện nay ông L phải đi chấp hành án nên tình trạng mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông L nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Hùng C (sinh ngày 04/10/1984; Giới tính: nam) và Trịnh Hùng A (sinh ngày 30/12/1991; Giới tính: nam). Hiện nay 02 con chung đã đủ tuổi thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, Bà N xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Trịnh Hoàng L vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định của pháp luật Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trịnh Hoàng L.

Nguyên đơn Nguyễn Thúy N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

*1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39, 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 96, 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tổng đạt quyết định cho đương sự đúng hạn luật định.

Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tình cảm hai người lấy nhau tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 1982, quá trình chung sống hạnh phúc năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, mặc dù hai người chung sống một nhà nhưng luôn cãi vã nhau, ông L đã từng dùng dao dím vào cổ đe dọa giết bà N rất nhiều lần, hàng xóm đều biết nhưng không ai dám can ngăn. Việc mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã báo với tổ trưởng khu phố và nhiều lần được tổ trưởng nhắc nhở nhưng ông L không nghe, bản thân ông L là người chơi bời, nghiện ngập, vợ con khuyên bảo không nghe, còn luôn đánh đập, đe dọa bà N, nay xác định tình cảm vợ chồng không

còn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung Trịnh Hùng C, sinh năm 1983, Trịnh Hùng A, sinh năm 1991. Hiện tại các con đều trưởng thành, lập gia đình và có nhà riêng; Tài sản nhà đất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thúy N giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Qua các biên bản lấy lời khai của đương sự bà N và ông L trình bày hai người xây dựng gia đình, chung sống với nhau từ năm 1982, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm, không tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2018 tại UBND phường H, thành phố Cao Bằng. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 1987 do ông L nghiện ma túy đi tù nhiều lần nên từ đó hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cãi chửi nhau, ông L có cầm dao đuổi đánh, có xô xát, chưa có thương tích, có tổ trưởng tổ dân phố khuyên bảo góp ý nhưng ông L không thay đổi, vợ chồng chưa sống ly thân với nhau. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức độ trầm trọng, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/7/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng ông L xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; Về con chung có 2 con chung đã trưởng thành, không bị nhược điểm thể chất tinh thần nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết; Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thúy N và ông Trịnh Hoàng L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thúy N là có căn cứ, thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thúy Nga.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thúy N và ông Trịnh Hoàng L.

Về con chung có 2 con chung đã trưởng thành, không bị nhược điểm thể chất tinh thần, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nội dung vụ án là ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự,

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay bị đơn Trịnh Hoàng L đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn (ông L) theo quy định của pháp luật. Tại Biên bản lấy lời khai của bị đơn Trịnh Hoàng L ngày 13/7/2020, ông L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, hòa giải vắng mặt. Đồng thời, ngày 13/7/2020 bị đơn Trịnh Hoàng L đã có Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Xét thấy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trịnh Hoàng L.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy N và ông Trịnh Hoàng L xây dựng gia đình và chung sống với nhau từ năm 1982 đến 01/11/2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L nghiện ma túy và đã đi tù nhiều lần. Ngoài ra, còn do ông L mải chơi, cờ bạc, rượu chè. Quá trình mâu thuẫn bà N và ông L thường xuyên cãi chửi nhau, ông L còn có hành vi cầm dao đuổi đánh, dọa giết bà Nga, mặc dù có xảy ra xô xát nhưng chưa có thương tích. Mâu thuẫn giữa bà N và ông L chưa được gia đình hai bên khuyên bảo, nhưng bà N và các con, đồng thời có tổ trưởng tổ dân phố khuyên bảo, góp ý nhưng ông L không thay đổi. Đến ngày 19/6/2020 bà N làm đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết về việc xin ly hôn với ông Trịnh Hoàng L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được do bị đơn Trịnh Hoàng L đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Cao Bằng. Ông L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngày 13/7/2020, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông L tại Trại giam Công an tỉnh Cao Bằng, theo đó ông L xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông L mải chơi, cờ bạc, rượu chè và nghiện ngập đi tù nhiều lần, nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên ông L nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng nên bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông L đã nảy sinh mâu thuẫn từ lâu, liên tục và kéo dài, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà N yêu cầu ly hôn, xét yêu cầu xin ly hôn của bà N thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014, đồng thời quá trình giải quyết vụ án ông L cũng nhất trí ly hôn nên cần ghi nhận sự thống nhất về mặt tình cảm của hai bên đương sự, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, bà N và ông L có 02 con chung là Trịnh Hùng C (sinh ngày 04/10/1984; Giới tính: nam) và Trịnh Hùng A (sinh ngày 30/12/1991; Giới tính: nam). Hiện nay 02 con chung đã thành niên, đã có gia đình riêng, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà N và ông L xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà N và ông L xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thúy N và ông Trịnh Hoàng L.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết do hai con chung đã thành niên.

3. Về chia tài sản: Các đương sự đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thúy N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000774 ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà Nguyễn Thúy N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thúy N (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Ông Trịnh Hoàng L vắng mặt tại phiên tòa (có lý do) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh CB;
- VKSND TPCB;
- THADS TPCB;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thúy Hằng**